

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-ST

Ngày: 23-6-2025

V/v: “*Kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Hồng Hải

Ông Nguyễn Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 308/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc “*Kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 114/2025/QĐST-DS ngày 05/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số A, đường L Đ, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đoàn Thị Tuyết N, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số A đường Đ, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo uỷ quyền (*Văn bản uỷ quyền số 4697, quyền số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 06/11/2023*).

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số G (G), đường T, Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng N4 – Chi nhánh L1.

Địa chỉ trụ sở: Số I đường N, Phường A, thành Phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L1.

Địa chỉ trụ sở: Số B T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là người đại diện theo pháp luật.

- Ông Đặng Xuân H1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L1 là người đại diện theo ủy quyền (*Quyết định số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021*).

- Ông Đặng Hoàng An D – Chức vụ: Trưởng phòng quản lý rủi ro trực thuộc Ngân hàng Đ – Chi nhánh L1 (*Văn bản ủy quyền số 595/UQ-BIDV.LĐ ngày 10/5/2024*).

- Bà Nguyễn Thị Ánh T1 – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng G trực thuộc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L1 (*Văn bản ủy quyền số 1854/UQ-BIDV.LĐ ngày 04/11/2024*).

3. Ông Hồ Hà Hữu H2, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số E đường T, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Bà Phan Ngọc Lê N1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số B đường P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

5. Ông Hồ T2, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Số A đường L Đ, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

6. Ông Lương Bá L.

Địa chỉ: Số G T, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

7. Ông Lê Minh Q, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số A đường Đ, Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

8. Ông Lê Minh P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số F đường N, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(bà M, bà N, ông H2, ông Q, ông P có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Lê Thị M và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Bà M và ông Hồ T2 là vợ chồng, ông T2 và bà M không có con chung. Do ông Hồ T2 sức khỏe giảm sút không thể tự lo cho bản thân, bà M không thể một mình chăm sóc cho chồng được, nên bà M đưa ông T2 vào Viện dưỡng lão T3, vì nơi đây có cơ sở vật chất và điều dưỡng viên sẽ chăm sóc cho ông T2 tốt hơn. Vì

lớn tuổi nên bà M nhờ em gái tên Lê Thị H đứng tên ký hợp đồng và chịu trách nhiệm với Viện dưỡng lão T3 về việc chăm sóc ông T2, kinh phí trả cho Viện dưỡng lão T3 là tiền lãi rút từ số tiền 3.400.000.000đ (*ba tỷ bốn trăm triệu đồng*) tiết kiệm của bà M. Bà Lê Thị H là em gái do vợ chồng bà M nuôi từ khi 07 tuổi, do tin tưởng và để thuận tiện cho việc rút tiền lãi hàng tháng, hơn nữa bà M cũng không rảnh về thủ tục nên bà M để bà Lê Thị H cùng đứng tên trong sổ tiết kiệm để khi đi rút tiền thì bà Lê Thị H đi rút tiền cùng bà M. Sau này, vì bận đi chữa bệnh nên bà M chuyển cho bà H đứng tên trên 04 sổ tiết kiệm cụ thể: Thẻ tiết kiệm số AAD 0208600 và thẻ tiết kiệm số AAD 039994, tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh L1; tài khoản tiết kiệm số 5406611002791, số sổ AD 000189793 và tài khoản tiết kiệm số 5400611003510, số sổ AD00020958085, tại Ngân hàng N4 – Chi nhánh L1, tổng số tiền 3.400.000.000đ (*ba tỷ bốn trăm triệu đồng*) để bà Lê Thị H hàng tháng rút tiền lãi thay bà M nộp cho Viện dưỡng lão T3. Sau đó, bà Lê Thị H từ chối không đứng tên trên hợp đồng và chịu trách nhiệm với Viện dưỡng lão T3 về việc chăm sóc ông T2 giúp bà M. Bà M yêu cầu bà H làm thủ tục chuyển lại cho bà M đứng tên 04 sổ tiết kiệm trên với số tiền 3.400.000.000đ (*ba tỷ bốn trăm triệu đồng*) nhưng bà Lê Thị H không làm mà chiếm dụng tiền của bà M và né tránh bà M. Bà M yêu cầu Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh L can thiệp thì bà H không trực tiếp giao lại 4 sổ tiết kiệm cho bà M mà đưa cho cháu chồng của bà M (*là ông Hồ Hà Hữu H2*) giao lại cho bà M 04 sổ tiết kiệm trên, hiện nay bà M đang giữ bản chính 04 sổ tiết kiệm trên.

Vì vậy, bà M khởi kiện bà Lê Thị H, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, buộc bà Lê Thị H trả lại cho bà Lê Thị M số tiền 3.400.000.000đ (*ba tỷ bốn trăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh.

2. Theo đơn trình bày ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N4 – Chi nhánh L1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

Bà Lê Thị H, căn cước công dân số 068170004667, địa chỉ: Số G đường T, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, hiện có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N4 – Chi nhánh L1 như sau:

- Ngày 28/9/2022 mở tài khoản tiết kiệm số 5406611002791, số sổ AD 000189793, số tiền gửi 1.000.000.000đ, kỳ hạn 12 tháng.

- Ngày 28/11/2022 mở tài khoản tiết kiệm số 5400611003510, số sổ AD00020958085, số tiền gửi 400.000.000đ, kỳ hạn gửi 12 tháng.

Văn bản số 1005/NHN_O.LĐ-KTGS ngày 10/6/2025 của Ngân hàng N4 – Chi nhánh L1 xác định số tiền lãi tính đến ngày 09/6/2025 như sau:

- Tài khoản tiết kiệm số 5406611002791, số sổ AD 000189793 là 58.900.900đ;

- Tài khoản tiết kiệm số 5400611003510, số sổ AD00020958085 là 22.831.200đ.

Khách hàng đến ngân hàng thực hiện giao dịch gửi tiền tiết kiệm theo đúng quy định của pháp luật. Việc tranh chấp của các đương sự không liên quan đến ngân hàng nên ngân hàng không có ý kiến gì.

3. Theo đơn trình bày ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh L1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

Ngày 22/10/2020, bà Lê Thị H có đến Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L1 – Phòng G gửi tiết kiệm số tiền 1.000.000.000đ và ngày 13/5/2021, bà Lê Thị H có gửi thêm số tiền 1.000.000.000đ. Hai sổ tiết kiệm nêu trên bà H đã rút toàn bộ lãi tính đến ngày 26/10/2022. Tính đến ngày 06/5/2024 thì số dư tiền gửi hiện tại của bà Lê Thị H là:

- Thẻ tiết kiệm số AAD 0208600 số tiền 1.074.000.000đ.

- Thẻ tiết kiệm số AAD 0399941 số tiền 1.085.000.000đ.

Văn bản số 1218/BIDV.LĐ ngày 09/6/2025 của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L1 – Phòng G xác định tiền lãi tính đến ngày 09/6/2025 như sau:

- Thẻ tiết kiệm số AAD 0208600 là 131.778.290đ;

- Thẻ tiết kiệm số AAD 0399941 là 143.301.186đ.

Trong quá trình gửi và rút sổ tiết kiệm đều tuân thủ đúng quy trình quy định của ngân hàng. Về việc tranh chấp nguồn gốc tiền gửi giữa bà Lê Thị M và bà Lê Thị H thì ngân hàng không rõ, ngân hàng đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Theo bản tự khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Hà Hữu H2 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

Ông Hồ T2 là bác ruột của ông H2, bà Lê Thị M là vợ của ông Hồ Tứ . Việc tranh chấp giữa bà Lê Thị M và bà Lê Thị H thì ông H2 không rõ. Tuy nhiên, bà H có liên lạc với ông H2 và ông H2 tới nhà riêng của bà H ở đường T, tại đây bà H có đưa cho ông H2 04 cuốn sổ tiết kiệm (*bản chính*) của Ngân hàng TMCP Đ, Ngân hàng N4 và nói là đưa lại cho bà M. Sau khi nhận 04 sổ tiết kiệm (*bản chính*) trên, ông H2 đã giao lại cho bà M. Đối với yêu cầu của bà M thì ông H2 không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

5. Theo bản trình bày ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ T2 (chồng bà M) thì: Ông Hồ Tứ thông N2 với lời trình bày cùng như yêu cầu khởi kiện của bà M. Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, buộc bà Lê Thị H trả lại cho bà Lê Thị M số tiền 3.400.000.000đ (*ba tỷ bốn trăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh.

6. Tại Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 15/4/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh Q trình bày: Lời trình bày của bà M và người đại diện bà N là đúng sự thật, đề nghị Tòa án xem xét sớm đưa vụ án ra xét xử để ông T2 có tiền chữa bệnh.

8. Tại Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 15/4/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh P trình bày: Ông P thống nhất với lời trình bày của bà M và người đại diện bà N, ông H2, ông Q là đúng sự thật, đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử để ông T2 có tiền chữa bệnh, hai vợ chồng bà M đã già, hiện tại nhờ cháu H2 là cháu ruột của ông T2 giúp đỡ mới có tiền để trả cho trung tâm dưỡng lão.

Bị đơn bà Lê Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Ngọc Lê N1, ông Lương Bá L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng các bên không thoả thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Đoàn Thị Tuyết N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Buộc bà Lê Thị H trả lại cho bà Lê Thị M số tiền 3.400.000.000đ là tài sản của bà Lê Thị M nhờ bà Lê Thị H gửi tiết kiệm gồm: 02 thẻ tiết kiệm số AAD 0208600; thẻ tiết kiệm số AAD 039994 tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh L1 và 02 tài khoản tiết kiệm số 5406611002791, số sổ AD 000189793; tài khoản tiết kiệm số 5400611003510, số sổ AD00020958085 tại Ngân hàng N4 – Chi nhánh L1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M. Buộc bị đơn bà Lê Thị H trả lại cho bà Lê Thị M số tiền 3.400.000.000đ (*ba tỷ bốn trăm triệu đồng*), kèm lãi theo sổ tiết kiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N4 – Chi nhánh L1, Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L1, ông Hồ T2 có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị H và những

người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Ngọc Lê N1, ông Lương Bá L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 06/11/2023 bà Lê Thị M có đơn khởi kiện bà Lê Thị H với nội dung, bà M nhờ bà H đứng tên 04 sổ tiết kiệm với số tiền 3.400.000.000đ. Trong quá trình nhờ bà H đứng tên đối với những sổ tiết kiệm trên giữa bà M và bà H xảy ra tranh chấp. Bà M khởi kiện yêu cầu buộc bà H trả lại số tiền 3.400.000.000đ là tài sản của bà Lê Thị M nhờ bà Lê Thị H gửi tiết kiệm gồm: 02 thẻ tiết kiệm số AAD 0208600; thẻ tiết kiệm số AAD 039994 tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh L1 và 02 tài khoản tiết kiệm số 5406611002791, số sổ AD 000189793; tài khoản tiết kiệm số 5400611003510, số sổ AD00020958085 tại Ngân hàng N4 – Chi nhánh L1. Vì vậy, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về việc “*Kiện đòi tài sản*”. Bị đơn cư trú tại thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà Lê Thị M yêu cầu bà Lê Thị H trả lại số tiền bà Lê Thị M nhờ bà Lê Thị H đứng tên gửi tiết kiệm tổng số tiền 3.400.000.000đ cụ thể như sau:

- Tài khoản tiết kiệm số 5406611002791, số sổ AD 000189793, số tiền gửi 1.000.000.000đ, kỳ hạn 12 tháng và tài khoản tiết kiệm số 5400611003510, số sổ AD00020958085, số tiền gửi 400.000.000đ, kỳ hạn gửi 12 tháng, mở tại Ngân hàng N4 – Chi nhánh L1.

- Thẻ tiết kiệm số AAD 0208600 số tiền 1.00.000.000đ và thẻ tiết kiệm số AAD 0399941 số tiền 1.000.000.000đ, mở tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L1.

Theo giấy xác nhận ngày 06/12/2024 của Công ty TNHH T4 – Chi nhánh Đ1 (cơ sở chăm sóc người cao tuổi TH Đ) và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

- Hợp đồng số 01/2020/HĐDV được ký ngày 12/11/2020 giữa bên gửi người cao tuổi để chăm sóc là bà Lê Thị H với bên nhận chăm sóc là Công ty TNHH T4 – Chi nhánh Đ1 (cơ sở chăm sóc người cao tuổi TH Đ), tại tiểu mục 4.2 Điều 4 của hợp đồng thể hiện bà H có nghĩa vụ thanh toán chi phí dịch vụ chăm sóc đầy đủ, đúng thời hạn thỏa thuận. Bà H đã đóng phí chăm sóc là 342.516.000đ.

- Hợp đồng số 03/2023/HĐDV được ký ngày 01/01/2023 giữa bên gửi người cao tuổi để chăm sóc là bà Lê Thị H với bên nhận chăm sóc là Công ty TNHH T4 – Chi nhánh Đ1 (cơ sở chăm sóc người cao tuổi TH Đ), tại tiểu mục 4.2 Điều 4 của

hợp đồng thể hiện bà H có nghĩa vụ thanh toán chi phí dịch vụ chăm sóc đầy đủ, đúng thời hạn thỏa thuận. Bà H đã đóng phí chăm sóc là 58.810.000đ.

- Hợp đồng số 03-1/2023/HĐDV ngày 01/5/2023 giữa bên gửi người cao tuổi để chăm sóc là bà Lê Thị M với bên nhận chăm sóc là Công ty TNHH T4 – Chi nhánh Đ1 (cơ sở chăm sóc người cao tuổi TH Đ), bà M đã đóng phí chăm sóc là 294.510.000đ.

Vấn đề này phù hợp với lời trình bày của bà M về việc đã nhờ bà H hàng tháng rút tiền lãi từ các sổ tiết kiệm trả tiền cho Cơ sở chăm sóc người cao tuổi TH Đà Lạt để chăm sóc chồng của bà M là ông Hồ Tứ .

Quá trình tố tụng, các tài liệu chứng cứ thu thập tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh L, lời khai của bà Lê Thị H và chồng bà H là ông Lương Bá N3 trong các biên bản ghi lời khai của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh L thể hiện việc ông N3 làm nghề lái xe, bà H làm nghề đan len nhỏ lẻ, thu nhập hàng tháng khoảng từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ. Ngoài ra, ông N3, bà H cũng không còn thu nhập nào khác đối với mức thu nhập bình quân hàng tháng như trên, trong khi ông N3, bà H còn phải nuôi 02 con chung ăn học. Mặt khác, tại biên bản ghi lời khai của ông Lương Bá N3 tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh L vào ngày 15/6/2023 (bút lục 200), ông N3 trình bày ông không biết về nguồn gốc số tiền 3.400.000.000đ, đến tháng 3/2023 khi bà M đến nhà ông N3, bà M yêu cầu trả số tiền tiết kiệm 3.400.000.000đ thì ông N3 mới biết khoản tiền này, nên việc bà H cho rằng số tiền 3.400.000.000đ trong các tài khoản tiết kiệm là do gia đình bà H tích lũy mà có là không có căn cứ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/5/2023 của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh L đối với bà Phan Ngọc Lê N1 (*bà N1 là cháu ruột của bà M và bà H*) (bút lục 202): Bà N1 cho rằng ngày 05/3/2023 bà H đề nghị bà N1 thực hiện việc ghi âm lời nói của bà H để gửi cho bà M, trong đoạn ghi âm có thể hiện việc bà H thừa nhận việc bà H có đứng tên dùm bà M đối với số tiền 3.400.000.000đ. Việc này cũng được nguyên đơn tiến hành lập vi bằng số 815/2024/VB-TPL, ngày 14/8/2024 về việc trích xuất nội dung ghi âm tại Văn phòng thừa phát lại thành phố Đ.

Đối với 04 sổ tiết kiệm (bản chính) bà H cho rằng bà H đã làm mất, hiện nay bà H không biết 04 sổ tiết kiệm trên ở đâu (biên bản đối chất ngày 02/8/2023, bút lục số 196-197). Tuy nhiên, theo trình bày của ông Hồ Hà Hữu H2 (*ông H2 là cháu của ông Hồ Tứ C bà M*) thì bà H đã nhờ con trai của bà H là ông Lương Bá L liên hệ với ông H2 để giao 04 bản chính sổ tiết kiệm trên cho ông H2 để nhờ ông H2 trả lại cho bà M. Khi bàn giao sổ, ông H2 còn lập giấy xác nhận có hình ảnh kèm theo từ (bút lục số 301 đến bút lục 311), hiện nay 04 sổ tiết kiệm trên do bà M đang giữ, như vậy lời khai của ông H2 là có căn cứ và đúng sự thật.

Trong quá trình làm việc tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh L, bà H khai không nhớ rõ các mốc thời gian đối với việc gửi tiền tiết kiệm tại các ngân hàng. Tuy nhiên, qua đối chiếu các tài liệu, chứng cứ do các ngân hàng cung cấp thì trùng khớp với

lời khai của bà M về các mốc thời gian bà M rút tiền để chuyển sang tên bà H đứng trên các sổ tiết kiệm tại các ngân hàng. Do vậy, có căn cứ để xác định có việc bà M rút tiền tiết kiệm đứng tên bà M để chuyển sang cho bà H đứng tên trên các sổ tiết kiệm.

Do đó, có căn cứ để xác định số tiền 3.400.000.000đ do bà Lê Thị H gửi tiết kiệm tại các tài khoản tiết kiệm số 5406611002791, số sổ AD 000189793; tài khoản tiết kiệm số 5400611003510, số sổ AD00020958085 tại Ngân hàng N4 – Chi nhánh L1 và thẻ tiết kiệm số AAD 0208600; thẻ tiết kiệm số AAD 0399941 tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L1 là tài sản của bà Lê Thị M nhờ bà Lê Thị H đứng tên gửi dùm nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M được chấp nhận nên bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M về việc “*Kiện đòi tài sản*” đối với bà Lê Thị H. Xác định số tiền 3.400.000.000đ (*ba tỷ bốn trăm triệu đồng*), số tiền lãi 356.811.576đ (*ba trăm năm mươi sáu triệu tám trăm mười một ngàn năm trăm bảy mươi sáu đồng*) tính đến ngày 09/6/2025 và toàn bộ tiền lãi suất tiết kiệm phát sinh bà Lê Thị H gửi tiết kiệm tại các tài khoản tiết kiệm số 5406611002791, số sổ AD 000189793 và tài khoản tiết kiệm số 5400611003510, số sổ AD00020958085 tại Ngân hàng N4 – Chi nhánh L1; thẻ tiết kiệm số AAD 0208600 và thẻ tiết kiệm số AAD 0399941 tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L1 là của bà Lê Thị M.

- Ngân hàng N4 – Chi nhánh L1 phải có trách nhiệm tất toán tài khoản tiết kiệm số 5406611002791, số sổ AD 000189793; tài khoản tiết kiệm số 5400611003510, số sổ AD00020958085; Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L1 phải có trách nhiệm tất toán thẻ tiết kiệm số AAD 0208600; thẻ tiết kiệm số AAD 0399941, đứng tên bà Lê Thị H khi bà Lê Thị M có yêu cầu.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Buộc bà Lê Thị H phải chịu 107.136.232đ (*một trăm lẻ bảy triệu một trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1956, thuộc trường hợp “Người cao tuổi” theo Điều 2 Luật người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí ngày 20/11/2024 nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Q1 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi Cục THADS TP Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: Bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Lương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Lương

